

# Hành trình Chinh phục Tiếng Hàn: Ngày Đầu tiên tại Công ty

## Bài 7: 여기가 사무실이에요 (Đây là văn phòng)

Nắm vững các câu giao tiếp thiết yếu về địa điểm và đồ vật để tự tin khởi đầu.

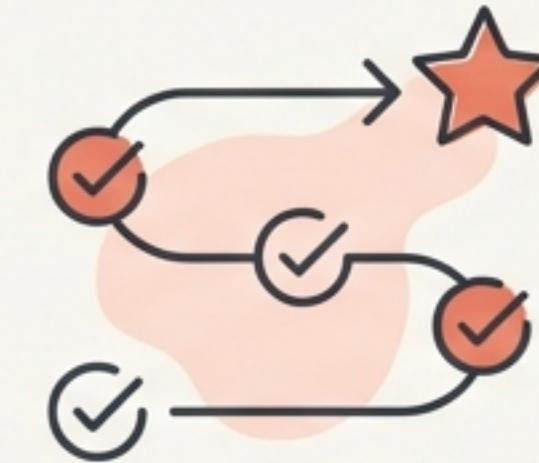


# Lộ trình chinh phục ngày đầu tiên của bạn



## Phần 1: Thủ thách

Mọi thứ đều mới lạ. Làm sao để hỏi những điều cơ bản nhất về nơi chốn và đồ vật xung quanh?



## Phần 2: Mục tiêu & Lộ trình

Chỉ trong vài phút, bạn sẽ tự tin:

1. Hỏi về địa điểm ("Đây có phải là...?", "Ở đâu?")
2. Hỏi về đồ vật ("Đây là cái gì?")
3. Giải mã quy tắc tạo câu cơ bản
4. Nạp "bộ công cụ" từ vựng cần thiết
5. Ôn tập để khắc sâu kiến thức



# Nhiệm vụ 1: Tìm đúng văn phòng của bạn

## Dòng bối cảnh:

Bạn đang đứng trước một căn phòng. Bạn nghĩ đó là văn phòng làm việc, nhưng cần hỏi để chắc chắn.

## Câu hỏi tình huống:

Làm thế nào để hỏi: "Đây có phải là văn phòng không ạ?"



# Công cụ đầu tiên: Hỏi xác nhận địa điểm

여기가 사무실입니까?

[Yə-gi-ga sa-mu-sil-im-ni-kka?]

Đây có phải là văn phòng không ạ?

네, 사무실입니다.

[Nê, sa-mu-sil-im-ni-da.]

Vâng, đúng là văn phòng đấy.

# Mở rộng nhiệm vụ: Tìm một nơi quan trọng khác

Tuyệt vời, đã tìm được văn phòng! Bây giờ bạn cần tìm nhà vệ sinh.



**Câu hỏi tình huống:**

Làm thế nào để hỏi: "Nhà vệ sinh ở đâu ạ?"

**화장실이 어디입니까?**

[Hwa-jang-sil-i o-đi-im-ni-kka?]

Nhà vệ sinh ở đâu ạ?

# Nhiệm vụ 2: Khám phá không gian làm việc

## Dòng bối cảnh:

Bạn đã ổn định tại bàn làm việc của mình.  
Trên bàn có một vài món đồ bạn chưa  
biết tên.

## Câu hỏi tình huống:

Câu hỏi "siêu hữu ích" bạn cần lúc này là  
gì? Chính là: "Đây là cái gì?"



# Công cụ vạn năng: Hỏi về đồ vật

Câu hỏi:

이게 뭐예요?

[I-gê muô-yê-yô]

Đây là cái gì ạ?

Lưu ý: Đuôi câu '-예요 [-yeyo] vừa lịch sự, vừa thân thiện, rất phù hợp để dùng ở công ty.



Trả lời: 여권이에요.

[Yø-kwon-i-ê-yô]

Nghĩa: Đây là cuốn hộ chiếu.



# Giải mã quy tắc: Tự tạo ra câu của riêng bạn

Bạn đã học được các câu hoàn chỉnh. Nay, hãy cùng khám phá những quy tắc cực kỳ đơn giản đằng sau chúng. Một khi nắm được, bạn có thể tự mình tạo ra vô số câu khác.



Chúng ta sẽ tìm hiểu 2 "trợ thủ" đắc lực:

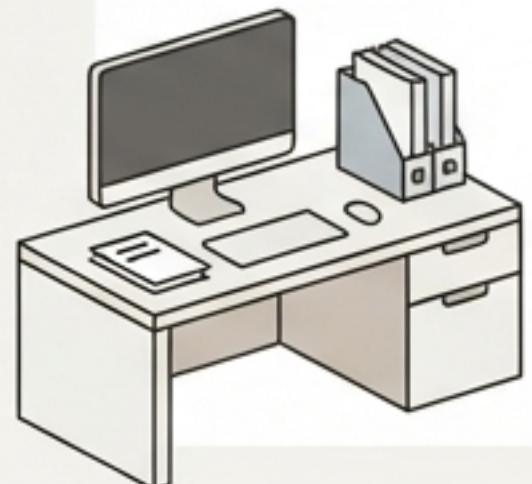
1. Trợ từ cho chủ ngữ: **이 / 가**
2. Động từ "là": **이에요 / 예요**

# Quy tắc 1: Trợ từ chủ ngữ 이 [i] / 가 [ga]

Nguyên tắc cốt lõi: Dựa vào âm cuối của danh từ đứng trước.

## Kết thúc bằng PHỤ ÂM

Quy tắc: Danh từ + 이 [i]

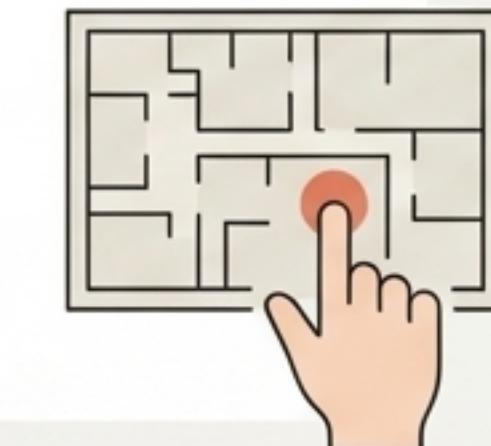


Ví dụ: 사무실  
(sa-mu-sil)  
→ 사무실이

## Kết thúc bằng NGUYÊN ÂM

Quy tắc: Danh từ + 가 [ga]

Ví dụ: 여기  
(yø-gi)  
→ 여기가

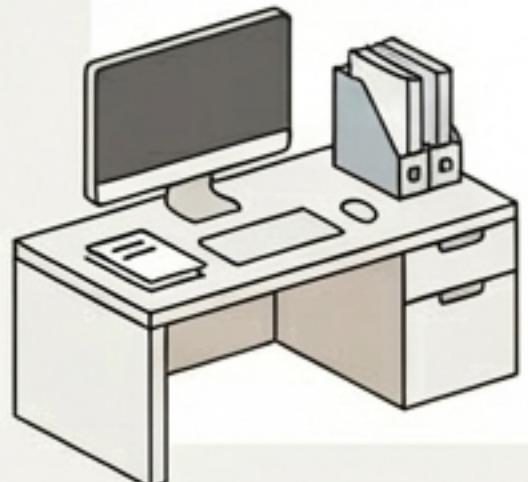


## Quy tắc 2: Động từ "là" 이에요 [i-ê-yô] / 예요 [yê-yô]

Tương tự, dựa vào âm cuối của danh từ đứng trước.

### Kết thúc bằng PHỤ ÂM

Quy tắc: Danh từ + 이에요 [i-ê-yô]



Ví dụ: 가방  
(ka-bang)  
→ 가방이에요

### Kết thúc bằng NGUYÊN ÂM

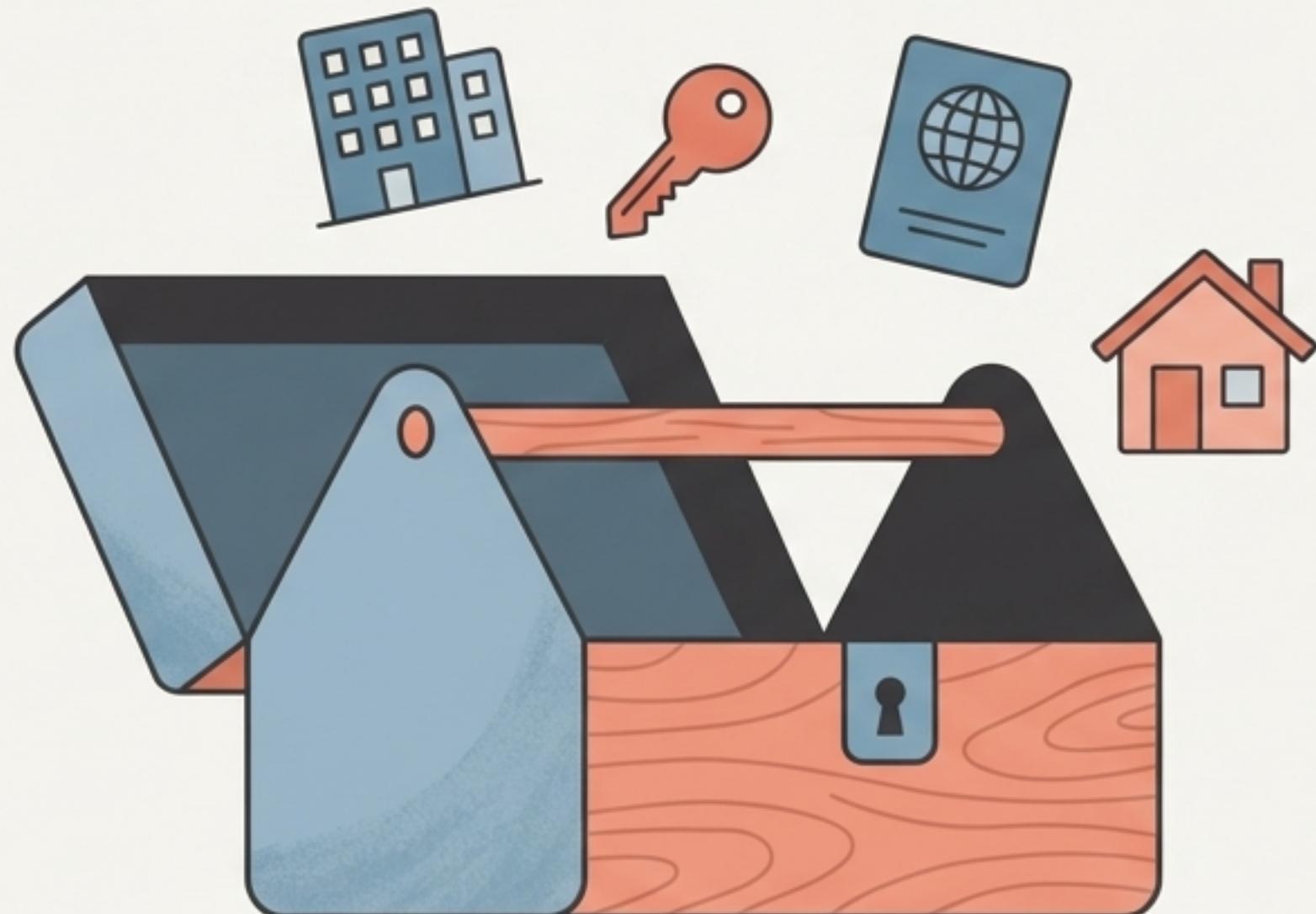
Quy tắc: Danh từ + 예요 [yê-yô]

Ví dụ: 베개  
(bê-gê)  
→ 베개예요



# Xây dựng "bộ công cụ" từ vựng của bạn

Bạn đã có công thức ngữ pháp. Giờ là lúc nạp thêm "nguyên liệu" để bắt đầu "nấu ăn"!



- 1. Từ vựng về Địa điểm:** Để bạn không bao giờ bị lạc.
- 2. Từ vựng về Đồ vật:** Để bạn gọi tên mọi thứ xung quanh.

# Bộ công cụ: Địa điểm



여기 [yø-gi]: ở đây



저기 [chø-gi]: ở đằng kia



어디 [o-dí]: ở đâu



회사 [huê-sa]: công ty



사무실 [sa-mu-sil]:  
văn phòng



화장실 [hwa-jang-sil]:  
nhà vệ sinh



식당 [sik-tang]: nhà ăn



집 [chip]: nhà

# Bộ công cụ: Đồ vật



**열쇠** [yol-suê]: chìa khóa



**가방** [ka-bang]: cái cặp



**지갑** [chi-gap]: cái ví



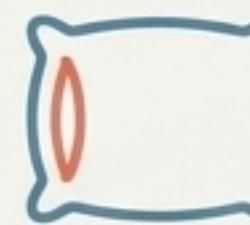
**여권** [yo-kwon]: hộ chiếu



**우산** [u-san]: cái ô



**거울** [ko-ul]: cái gương



**베개** [bê-gê]: cái gối



**이불** [i-bul]: cái chăn

# Thành quả của bạn trong ngày hôm nay

Cùng nhìn lại tất cả những công cụ bạn đã nắm vững.

## Khu vực 1: Mẫu câu cốt lõi

- 여기가 사무실입니까? (Đây có phải là văn phòng không ạ?)
- 화장실이 어디입니까? (Nhà vệ sinh ở đâu ạ?)
- 이게 뭐예요? (Đây là cái gì ạ?)

## Khu vực 2: Từ vựng trọng tâm

### Địa điểm:

사무실, 화장실, 회사, 어디

### Đồ vật:

여권, 가방, 열쇠, 지갑

# Hành trình vẫn tiếp diễn

**"Luyện tập thường xuyên chính là  
chìa khóa để giỏi lên mỗi ngày."**

Cảm ơn bạn đã tham gia buổi học. Hẹn gặp lại lần sau nhé!

**다음에 또 만나요!**

[Tha-um-ê tô man-na-yô!]

